

# Vai trò của Chính phủ với sự phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong xu thế mới

**Th.s. Hà Sơn Tùng**

*Đại học Kinh tế Quốc dân*

**PGS.TS Bùi Anh Tuấn**

*Bộ Giáo dục và Đào tạo*

*Trong bối cảnh kinh tế cạnh tranh ngày một gay gắt, tính chuyên môn hóa được đặt lên hàng đầu, nếp nghĩ “Tôi tự làm” vì thế cần được xóa bỏ. Ở đâu, dù khác nhau về cơ cấu sản xuất và việc làm, các nền kinh tế hiện đại, dù phát triển hay đang phát triển, đều có một đặc điểm chung là tỷ trọng của dịch vụ ngày càng tăng, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Điều gì sẽ xảy ra nếu không có một chính sách rõ ràng hay mục tiêu tăng trưởng đối với lĩnh vực dịch vụ nói chung và dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nói riêng? Thậm chí, nếu khuôn khổ pháp lý cho lĩnh vực này lỏng lẻo, thương mại dịch vụ bị “bỏ quên” trong các báo cáo về quan hệ kinh tế, sự phát triển chung của nền kinh tế sẽ trở nên méo mó hơn. Khi “Cải cách”, “Đổi mới” hay “Mở cửa” là những cụm từ được nhắc tới ngày một nhiều, thì vai trò của Chính phủ là một chìa khóa quan trọng. Bài viết này, vì thế, xin mạn bàn về “Vai trò của Chính phủ với sự phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong xu thế mới”.*

**Từ khóa:** Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (BSS), vai trò của Chính phủ.

## **1. Xu hướng nào cho DVHTKD trong bối cảnh kinh tế mới**

Trước hết, cần hiểu dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD) là những dịch vụ phi tài chính được doanh nghiệp sử dụng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của mình. Những năm gần đây, DVHTKD được phân đoạn rõ ràng theo quá trình với 3 giai đoạn chính: “đầu nguồn” – gồm các hoạt động như nghiên cứu khả thi, nghiên cứu và phát triển, cơ sở hạ tầng phục vụ...; “giữa nguồn” – gồm các hoạt động như kế toán, thiết kế kỹ thuật, dịch vụ hành chính; và “cuối nguồn” – gồm các hoạt động như quảng cáo, kho bãi và phân phối... (Theo phân loại của UNCTAD - Hội nghị của Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển).

Nếu trước kia, DVHTKD thường chỉ được sử dụng các công ty lớn hoặc các cơ quan Nhà nước thì nay, một thay đổi quan trọng liên quan trực tiếp đến quá trình phát triển là sự “ngoại vi hóa” những dịch vụ như vậy để hình thành các công ty độc lập, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên

cơ sở “chi phí khả biến”. Điều này giúp các doanh nghiệp tránh được các “tổn thương” về chi phí trong quá trình cạnh tranh. Trong một môi trường cạnh tranh mà ở đó tính chuyên môn hóa là một “mối quan tâm đặc biệt”, thì sự phát triển của nhu cầu là một động lực để các công ty dịch vụ ngoại vi hoàn thiện và phát huy tác dụng vốn có của nó. Trong môi trường mà các doanh nghiệp thuộc về Chính phủ, sẽ ít có những động lực thúc đẩy đạt năng suất và hiệu quả. Khi các doanh nghiệp được tư nhân hóa và phải chịu sự cạnh tranh của thị trường quốc tế, họ cần được sự trợ giúp từ các công ty dịch vụ chuyên sâu trong hầu hết các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh. Sự tăng trưởng trong DVHTKD đã cho thấy nó không chỉ tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước mà còn tạo thêm công ăn việc làm và thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

Ở những nước phát triển như Singapore, DVHTKD đóng góp tới 15% tổng sản phẩm quốc nội. Trong khi đó, ở các nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), một số loại hình dịch

vụ hỗ trợ kinh doanh có mức tăng trưởng trung bình lên tới 10%/năm. Ở Việt Nam những năm gần đây, DVHTKD mặc dù có sự phát triển nhưng chỉ chiếm khoảng 1% trong tổng sản phẩm quốc nội với mức tăng trưởng rất thấp, khoảng 1-2%/năm. Nếu so sánh mức tăng trưởng này với một số quốc gia khác như các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), một số dịch vụ hỗ trợ kinh doanh có mức tăng trưởng trung bình 10%/năm thì mức tăng trưởng của các dịch vụ này ở Việt Nam quả thực quá nhỏ bé. Tuy vậy, trong báo cáo Chính trị Đại hội lần thứ IX của Đảng ta đã nhấn mạnh quan điểm “Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, đảm bảo độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường”. Theo quan điểm này, hội nhập của kinh tế quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế là một quá trình mà trọng tâm là chủ động mở cửa kinh tế, tham gia phân công hợp tác quốc tế tạo điều kiện kết hợp có hiệu quả nguồn nhân lực trong nước và nước ngoài, mở rộng không gian và môi trường để phát triển và chiếm lĩnh vị trí phù hợp trong quan hệ kinh tế quốc tế.

**2. Đóng góp cho sự phát triển DVHTKD, không thể bỏ qua vai trò của Chính phủ.**

Xét lại lịch sử, trong một đánh giá của Stiglitz và Yusuf (2001) về vai trò của Chính phủ trong phát triển kinh tế ở khu vực Đông Á cho thấy, sự can thiệp của Chính phủ là không hiệu quả. Đặt trong sự phát triển chung của thị trường DVHTKD, vai trò của Chính phủ càng trở nên mờ nhạt.

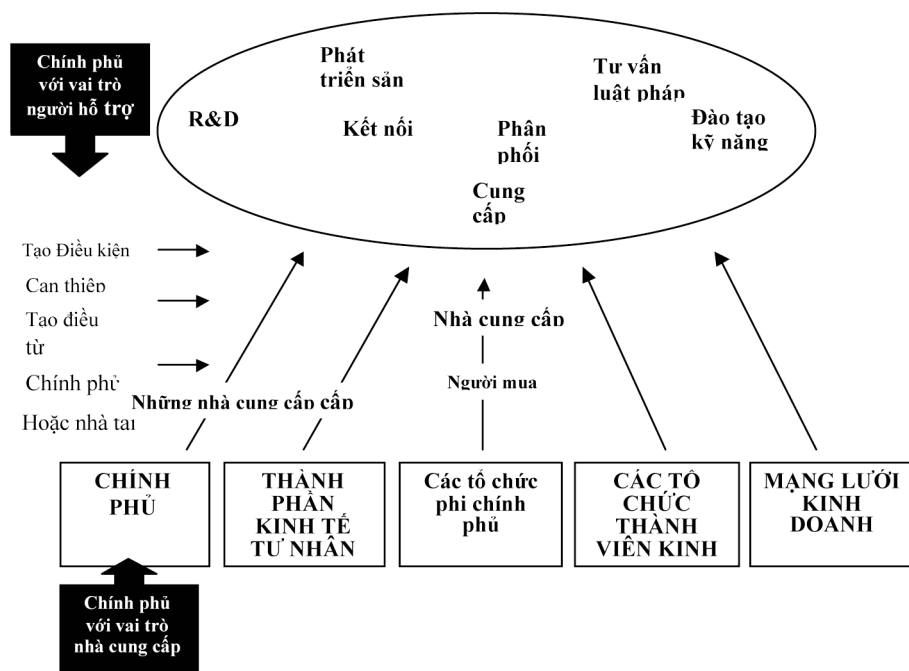
Theo mô hình ở hình 1, có thể thấy Chính phủ là đối tượng hữu quan cùng lúc đóng 2 vai trò với thị trường DVHTKD:

\* Vai trò nhà cung cấp: Kinh nghiệm cho thấy rằng hầu hết các nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh hiệu quả là các tổ chức hoặc cá nhân có “mối quan hệ mật thiết” với các doanh nghiệp. Mối quan hệ này giúp cho các nhà cung cấp dịch vụ hiểu rõ hơn về doanh nghiệp, từ đó tạo ra các dịch vụ phù hợp hơn. Chính phủ, do đặc điểm về cấu trúc, định hướng và nhân lực đã không phát huy được vai trò đáng có trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ.

\* Vai trò người hỗ trợ: Không như một nhà cung cấp hay các đơn vị kinh doanh khác, Chính phủ hỗ trợ thông qua việc khuyến khích, tạo điều kiện để thị trường phát triển một cách hiệu quả. Thông thường, việc hỗ trợ của Chính phủ dựa trên các chính sách ban hành.

Tuy vậy, dù trong vai trò nào, xét cho cùng, Chính phủ cũng cần làm được 3 việc sau:

Hình 1: Một số chức năng của thị trường dịch vụ



**Hộp 1: Minh họa về việc thể hiện chưa hiệu quả vai trò của Chính phủ Việt Nam với phát triển DVHTKD – Trường hợp Tổng cục đo lường chất lượng STAMEQ**

Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng (STAMEQ) là tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo quy định của pháp luật. Các vai trò chính của STAMEQ bao gồm: nâng cao nhận thức về tiêu chuẩn đo lường và quản lý chất lượng, cung cấp các thông tin cơ bản trong lĩnh vực này, chứng nhận và cấp chứng chỉ chất lượng, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo doanh nghiệp nhằm đạt được các tiêu chuẩn chất lượng...

Lĩnh vực quản lý chất lượng và tiêu chuẩn đo lường ở Việt nam được phát triển cùng sự phát triển của nền kinh tế cũng như sự tăng trưởng của FDI. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng, STAMEQ chưa phát huy được vai trò của nó cho sự phát triển của thị trường dịch vụ này bởi 2 lý do:

Ø Không phân biệt rõ giữa việc cung cấp dịch vụ và cấp chứng nhận tiêu chuẩn. Điều này làm giảm uy tín của tổ chức trên trường quốc tế.

Ø STAMEQ cạnh tranh không lành mạnh với khu vực tư nhân (trên phương diện thu thập thông tin, thu hút sự hỗ trợ của Chính phủ hay thu hút lao động, đặc biệt là lao động có hàm lượng chất xám cao).

*Nguồn: Rob Hitchins (2002), Vai trò của Chính phủ với sự phát triển DVHTKD*

- Một là, phát triển các yếu tố cơ bản và cao cấp của sản xuất cho DVHTKD;

- Hai là, xây dựng các tiêu chuẩn và kích thích cạnh tranh cho thị trường DVHTKD;

- Ba là, cải thiện hiệu quả và hiệu suất cho thị trường DVHTKD.

Khi thực hiện các vai trò này, năng lực cũng như trách nhiệm của Chính phủ sẽ được bộc lộ rõ nét. Có thể các vai trò này được thể hiện thông qua các vấn đề liên quan tới luật pháp, cạnh tranh, hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng, khoa học công nghệ... Ở đây, một vấn đề cần được lưu ý là Chính phủ không phải lúc nào cũng thể hiện vai trò của mình một cách trực tiếp với thị trường DVHTKD. Những dịch vụ hạ tầng cơ sở (như dịch vụ công ích, vận tải, viễn thông...) có tác dụng hỗ trợ cho tất cả các loại hình kinh doanh. Giáo dục, đào tạo, dịch vụ y tế và vui chơi, giải trí có ảnh hưởng tới chất lượng lao động trong các công ty. Đôi khi việc xây dựng các hệ thống luật pháp, hiến pháp cũng tác động không nhỏ cho sự phát triển của DVHTKD.

Như tại Việt Nam, liên quan tới vấn đề này có thể kể tới hiến pháp và luật doanh nghiệp 1999. Theo luật doanh nghiệp thì các ngành nghề kinh doanh được phép không được liệt kê cụ thể mà luật chỉ quy định các ngành nghề bị cấm (Theo Nghị định số 03/2000/NĐ-CP có 11 ngành nghề bị cấm kinh doanh). Như vậy, hoạt động dịch vụ là những hoạt động mà các doanh nghiệp ngoài nhà nước được cung ứng. Việc ban hành luật doanh nghiệp đã tạo bước đột phá trong thủ tục tham gia vào thị trường

của cá nhân, tổ chức và mở đường cho sự phát triển DVHTKD trên phạm vi cả nước và đặc biệt ở Hà Nội. Hoặc các văn bản khác như Nghị định số 90/2001/NĐ-CP ngày 23/11/2001 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp ngoài nhà nước; Nghị định số 87/2002/NĐ-CP ngày 05/12/2002 về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ tư vấn đã được chính phủ ban hành. Rõ ràng, các văn bản, nghị định này không trực tiếp nhằm vào thị trường DVHTKD, nhưng đó là điều kiện cần và đủ nhằm thúc đẩy sự phát triển của khu vực thị trường này.

Tuy vậy, không phải lúc nào vai trò của Chính phủ với việc phát triển DVHTKD cũng hiệu quả. Để hiểu rõ hơn điều này, chúng ta có thể xem xét ví dụ dưới đây:

Tất nhiên, Chính phủ sẽ chỉ có thể phát huy được vai trò vốn có khi có đầy đủ năng lực. Bàn về vấn đề này, trong một nghiên cứu của Rob Hitchins (2002), 4 nhân tố sau có thể được sử dụng để đánh giá năng lực của Chính phủ trong việc thể hiện vai trò với thị trường DVHTKD:

*Một là*, khả năng tài chính thể hiện thông qua mức độ thâm hụt ngân sách, nợ công, hay mức độ phụ thuộc vào nguồn viện trợ của Chính phủ.

*Hai là*, hiệu quả của quản lý công; ví dụ như mức độ bao phủ của các dịch vụ công cộng cơ bản, tỷ lệ thu thuế, hay tính minh bạch của hệ thống luật pháp.

*Ba là*, hiệu suất của quản lý công; ví dụ như các thời gian thành lập doanh nghiệp hay xử lý các tuyên bố phá sản.

*Bốn là*, mức độ sẵn có của các đại diện luật pháp

của Chính phủ như tòa án kinh tế, thanh tra kinh tế....

Thay cho lời kết, để thể hiện rõ nét vai trò của Chính phủ với việc phát triển DVHTKD, Chính phủ cần có một cái nhìn rõ ràng, đúng đắn về thị trường dịch vụ này. Điều này có nghĩa: (1) cần đặt thị trường DVHTKD vào đúng khung cảnh của nó. Chính phủ cần làm rõ mối quan hệ giữa các đối tượng cung cấp và sử dụng trong thị trường dịch vụ này, tăng cường sự cạnh tranh và xây dựng các yếu

tố phục vụ sản xuất và hạn chế các yếu tố dẫn tới sự bóp méo của thị trường này. (2) cần định nghĩa rõ ràng về DVHTKD; Cần phân biệt rõ DVHTKD với các “hàng hóa công cộng”. DVHTKD không thể thay thế các dịch vụ thiết yếu như giáo dục, nghiên cứu khoa học... Khi những điều này được nhận thức đúng thì cơ chế, chính sách cũng như “sự tác động vừa phải” của Chính phủ sẽ tạo tiền đề tốt cho sự phát triển chung của thị trường DVHTKD. □

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Larissa Ruth Muller (2003), “Advanced Business Services in Southeast Asia: Localization of International Investment”.
2. Philip M.Parker (2006), “The 2006-2011 World Outlook for Business Support Services”.
3. Đề tài nghiên cứu NCKH (2006), “Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong các khu (cụm) công nghiệp trên địa bàn Hà Nội”.
4. Đề tài NCKH (2008), “Giải pháp phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”.
5. Phan Hồng Giang (2006), “Hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh doanh của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam”.
6. Vũ Đức Quyết (2007), Giải pháp phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh, Đề tài nghiên cứu khoa học, Đề tài nghiên cứu khoa học, Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh.
7. Nguyễn Văn Việt, Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong các khu (cụm) công nghiệp trên địa bàn Hà Nội” (2006), Đề tài nghiên cứu khoa học, Bộ Giáo dục đào tạo.